BỘ Y TẾ
VIỆN Y HỌC BIỂN

Số: 77 /TM-YHB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 11 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Y học biển có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm sinh phẩm xét nghiệm năm 2026-2028 của Viện Y học biển với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Y học biển

Số 21 đường Võ Nguyên Giáp, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Bà Trần Thị Thu Trang - Phó trưởng khoa Dược
- Điện thoại: 0982.276559 hoặc 0225.3519687 (nhánh 411)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận văn bản giấy trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Viện Y học biển
- Hoặc gửi file trực tiếp qua Email: tms@vinimam.org.vn
- Hoặc gửi Online (qua website: muasamcong.mof.gov.vn)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ thời điểm đăng tải báo giá.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ghi trong báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục yêu cầu báo giá: Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

2. Yêu cầu hồ sơ báo giá:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm và phải được người có thẩm quyền pháp lý ký và đóng dấu.
- Catalog, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết của hàng hoá (nếu có).

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TMS, P.QLCL (để đăng tải);
- Lưu: VT.

VIỆN TRƯỞNG

BỘ Y TẾ VIỆN Y HỌC BIỂN

VIỆN TRƯỞNG

TS.BSNT Nguyễn Bảo Nam

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thư mời số 77 /TM-YHB ngày 25 tháng 11 năm 2026 của Viện Y học biển)

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất thử xác định nhóm máu Anti-D	Hiệu giá ≥ 1:128.Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Lọ	95
2	Chất thử xác định nhóm máu Anti-AB	Hiệu giá ≥ 1:256. Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Lọ	139
3	Chất thử xác định nhóm máu Anti-B	Hiệu giá ≥ 1:256.Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Lọ	136
4	Chất thử xác định nhóm máu Anti-A	Hiệu giá ≥ 1:256. Độ đặc hiệu 100%, độ nhạy 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Lọ	131
5	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng Syphilis	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy 99.3% và Độ đặc hiệu 99.5% so với TPHA. - Test thử được phủ sẵn kháng nguyên Treponema pallidum tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử. - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai - Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. - Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn Borrelia burgdoriferi IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi l/ll). Tiêu chuẩn ISO, CE	Test	9.100
6	Xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA), phân biệt virus HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu 99.8% so với ELISA - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BYT năm 2015. - Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. -Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. - Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút - Dạng khay. Hộp 100 test - Tiêu chuẩn ISO	Test	30.400

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
7	Thanh thử xét nghiệm định tính HBsAg	Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu ≥ 99,6%; - Giới hạn phát hiện 0.1IU/ml. - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút , - Sử dụng được cho tất cả các loại mẫu bệnh phẩm bao gồm: Huyết thanh, huyết tương, máu tĩnh mạch, máu đầu ngón tay của Người. - Thể tích sử dụng: 50 µL - Sản xuất tại nước thuộc G7 - Đạt tiêu chuẩn WHO PQ -Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R.	Test	600
8	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng HAV	Test thử nhanh đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh hoặc huyết tương người với 3 vạch được phủ sẵn trên bề mặt màng: "G" (vạch thử HAV IgG), "M" (vạch thử HAV IgM) và "C" (vạch chứng). - Độ nhạy 97.6% và độ đặc hiệu 98% -Thể tích sử dụng huyết thanh hoặc huyết tương chỉ là 5 µL và thời gian đọc kết quả là 20 phút - 1 test thử bao gồm: - Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút viêm gan A - keo vàng (1,0±0,2 µg) - Vạch thử "G": Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgG người (0,640 ± 0,128 µg) - Vạch thử "M": Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người (0,224 ± 0,045 µg) - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,640±0,128 µg) - Tiêu chuẩn CFS, EU	Test	1.600
9	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu 99.4% so với RT-PCR - Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: 10µl với mẫu máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương người - Ngưỡng phát hiện ở nồng độ pha loãng gấp 4096 lần với huyết thanh dương tính kháng Anti-HCV - Độ ổn định sau khi mở túi nhôm ít nhất 72 giờ - Dạng khay. Hộp 100 test - Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người. - Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, Xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm, Trypanosoma cruzi I /II	Test	1.650

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
10	Xét nghiệm phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người	Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 96.2%; Độ đặc hiệu: 99.4%; Khoảng tin cậy 95% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 µg); - Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 µg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng chuột (0,88 µg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	6.000
11	Viêm gan E (HEV IgM)	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HEV - Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương. - Độ nhạy tương quan: 98,1%; Độ đặc hiệu tương quan : 99,2% Khay thử bao gồm: 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên HEV (cộng hợp HEV) và một cộng hợp kháng thể kiểm soát. 2. Một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng IgM-người và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát - Kit thử bảo quản nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Test	2.100
12	Test định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% - Thành phần: + Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng (0.026 ±0.008 µg), keo vàng - IgY gà (0.032 ±0.009 µg) + Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs (0.44 ±0.088 µg) + Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0.48 ± 0.096 µg) - Thời gian trả kết quả: 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL; - Ngưỡng phát hiện: 2 IU/ml - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Dạng khay. Hộp 30 test - Tiêu chuẩn ISO	Test	61.080
13	Que thử đường huyết	Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu. - Độ chính xác cao 99,2%, đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Tương thích trên máy Ot Ultra plus Flex	Test	10.975

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
14	Que thử đường huyết loại 2	Thời gian đo: 10 giây Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch Phạm vi HCT: 25 - 60% Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20-600mg/dL) Giá trị YSI tham chiếu được đo từ mẫu máu mao mạch lấy từ đầu ngón tay với khoảng giá trị mẫu phẩm từ 1.9 đến 28.2 mmol/L (34.3 đến 507 mg/dL), cho kết quả: Tiêu chuẩn: ISO 13485 Tương thích với máy On Call Plus	Test	5.000
15	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B - Sản phẩm có chứng dương, chứng âm để kiểm chuẩn - Mẫu thử: Dịch mũi, họng, tỵ hầu - Vạch A: Độ nhạy tương quan: 99,34%, Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Vạch B: Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Thành phần Test thử: 1. Vùng cộng hợp có màu được phủ sẵn cộng hợp kháng thể kháng influenza-A và B (cộng hợp kháng thể). 2. Màng nitrocellulose có chứa hai vạch kết quả (vạch A và B) và một vạch chứng (vạch C). Vạch A phủ sẵn kháng thể kháng influenza-A, vạch B phủ sẵn kháng thể kháng influenza-B và vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng - Không phản ứng chéo: Kháng nguyên NPSARS-coronavirus, Kháng nguyên NPMERS-coronavirus, Kháng nguyên NP Human, coronavirus HKU1, Human coronavirus, Adenovirus, Parainfluenza virus... - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	500
16	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. - Độ nhạy tương quan: 97,6% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,5% - Độ chính xác tương quan: 99,1% Que chứng âm, chứng dương được cung cấp kèm theo mỗi hộp để kiểm tra sự chính xác của sản phẩm Ngưỡng phát hiện(LoD) 1,6*10^2 TCID50/mL. Phát hiện được những biến chủng của SARS-CoV-2 : BA.2.86, BA.2.86.1, XBB.1.16.6, JN.1 (BA.2.86.1.1) Không bị lây nhiễm chéo bởi Virus RSV và Rhino ở nồng độ 3,15*10^5 TCID50/mL Kết quả thử nghiệm trên bộ mẫu chuẩn của NICVB : Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100% Kết quả thử nghiệm của FIND (Thụy Sỹ) với phương pháp PCR, Ct ≤ 25 : độ nhạy 100%	Test	500

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
17	Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên RSV	Phát hiện định tính kháng nguyên virus hợp bào hô hấp từ mẫu hút dịch tỵ hầu (NPA). - Độ nhạy: 92.3%, Độ đặc hiệu: 93.3% so với phương pháp nuôi cấy và miễn dịch huỳnh quang. - Dạng que. - Đọc kết quả trong 15 phút - Giới hạn phát hiện: 410,156 ng/ml Virus hợp bào hô hấp - Ổn định ít nhất 72 giờ sau khi mở túi nhôm - Thành phần: Dung dịch phức hợp vàng: Chất keo màu vàng kháng RSV đơn dòng chuột + Vạch thử: Kháng thể kháng RSV đơn dòng chuột + Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột - Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE	Test	200
18	Khay thử xét nghiệm định tính và phân biệt kháng nguyên SARCoV-2, Influenza A, Influenza B	Xét nghiệm sử dụng để định tính phát hiện và phân biệt kháng nguyên SARS-CoV-2, kháng nguyên nucleoprotein của vi rút cúm A và B trong dịch mũi hoặc dịch tỵ hầu của người. Hiệu quả chẩn đoán Mẫu dịch tỵ hầu SARS-CoV-2: Độ nhạy tương quan: 97.83% ; Độ đặc hiệu tương quan: 99.61%; Độ chính xác: 98.99% Influenza A: Độ nhạy tương quan: 98.33%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.40%; Độ chính xác: 99.24% Influenza B: Độ nhạy tương quan: 98.33%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.70%; Độ chính xác: 99.49% Giới hạn phát hiện: SARS-CoV-2 là 1.60*102 TCID50/mL; cúm A là 6.88*102 TCID50/mL và cúm B là 1.88*102 TCID50/mL Vật tư được cung cấp: Que mẫu chứng dương, Que mẫu chứng âm kèm theo mỗi hộp Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016	Test	19.550
19	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2, cúm A/B, RSV và Adenovirus	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên vi rút SARS-CoV-2, cúm A/B, RSV và Adenovirus trong mẫu dịch mũi hoặc dịch tỵ hầu của người. Chỉ sử dụng cho chẩn đoán in vitro chuyên nghiệp. Ngưỡng phát hiện (LoD): SARS-CoV-2: $1,60 \times 10^2$ $TCID_{50}$/mL Flu A: $6,88 \times 10^2$ $TCID_{50}$/mL Flu B: $1,88 \times 10^2$ $TCID_{50}$/mL RSV: $1,58 \times 10^2$ $TCID_{50}$/mL Adenovirus: $4,35 \times 10^4$ $TCID_{50}$/mL Hiệu quả chẩn đoán đối với mẫu dịch tỵ hầu: - SARS-CoV-2: Độ nhạy tương quan: 96.04%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.50%; Độ chính xác tương quan: 98.81% - Cúm A: Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.37%; Độ chính xác tương quan: 99.40% - Cúm B: Độ nhạy tương quan: 96.77%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.58%; Độ chính xác tương quan: 99.40% - RSV: Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.37%; Độ chính xác tương quan: 99.40% - Adenovirus: Độ nhạy tương quan: 96.88%; Độ đặc hiệu tương quan: 99.36%; Độ chính xác tương quan: 99.21%"	Test	300

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
20	Test thử nhanh Morphine Heroin	Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MOP-BSA Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml. - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL: 4-Acetamidophenol, N-Acetylprocainamide, Ampicillin, Aspartame. Đọc kết quả tại 5 phút	Test	100
21	Test thử ma túy 5 chân	Mục đích sử dụng: Phát hiện định tính nhiều loại chất kích thích và chất chuyển hóa của chúng trong mẫu nước tiểu ở các nồng độ giới hạn khác nhau. - Thuốc thử: Vạch xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và các liên hợp thuốc- protein tương ứng. Vạch chứng chứa kháng thể đa dòng kháng IgG dê và kháng thể IgG thỏ. - Vật liệu được cung cấp: Panel que thử, Hướng dẫn sử dụng - Đọc kết quả ở phút thứ 5. Không đọc kết quả sau 10 phút Giới hạn phát hiện: - THC: 50 ng/mL - MET: 500 ng/mL - MDMA: 500 ng/mL - MOP/OPI: 300 ng/mL - Ketamine: 1000 ng/mL Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	16.250
22	Que thử xét nghiệm định tính MOP/COD/HER/ THC/AMP (Nước tiểu)	Mẫu phẩm: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: AMP: 500ng/mL, COD: 250ng/mL, HER: 10ng/mL, MOR: 300ng/mL, THC: 50ng/mL - Độ nhạy, Độ đặc hiệu, Độ chính xác lần lượt như sau: + AMP: > 99.9%; > 99.9%; > 99.9% + COD: = 99.05%; > 99.9%; = 99.38% + HER: = 99.35%; > 99.9%; = 99.65% + MOP: > 99.9%; > 99.9%; > 99.9% + THC: > 99.9%; > 99.9%; > 99.9% - Đọc kết quả sau 5 phút. Không đọc kết quả sau 10 phút. - Độ ổn định: ổn định trong điều kiện bảo quản 2- 30°C Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất	Test	2.000
23	Que thử phân tích nước tiểu	Các chỉ số đo: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose. Dải đo của các chỉ số: - Leukocytes: 5- 15 cells/µ L - Nitrite: 13- 22 µ mol/L - Urobilinogen: 3.2- 16 µ mol/L - Protein: 0.15- 0.3 g/L - pH: 5.0- 9.0 - Blood: 5- 15 cells/µ L - Specific Gravity: 1.005- 1.030 - Ketone: 0.5- 1.0 mmol/L - Bilirubin: 3.3- 17 µ mol/L - Glucose: 2.8- 5.5 mmol/L - Quy cách: 100 test/ hộp	Test	95.300

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
24	Que thử nước tiểu 10TS	Các chỉ số đo: Gluscose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leuk°Cyte, SG. Dải đo của các chỉ số: - Protein: 15- 30mg/dL albumin - Blood: 0.015- 0.062mg/dL hemoglobin - LeukoCyte: 5- 15 - Nitrite: 0.06- 0.1mg/dL nitrite ion - Glucose: 75- 125mg/dL - Ketone: 5- 10mg/dL acetoacetic acid - pH: 4.6- 8.0 - SG: 1.001- 1.035 - Bilirubin: 0.4- 0.8mg/dL - Urobilinogen: 0.2EU/dL	Test	41.800
25	Que thử thai	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng βhCG, kháng thể chuột kháng αhCG. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%, Độ chính xác tương quan: 100%. Không bị gây nhiễu bởi các chất Hemoglobin 1 mg/dl, Glucose 2 g/dl, Gentisic Acid 20 mg/dl. Không bị phản ứng chéo với một số hoóc môn liên quan về cấu trúc như LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 µIU/mL). Đọc kết quả tại 5 phút.	Test	1.450
26	Pylori test	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy.	Test	6.300

Tổng số: 26 danh mục hàng hóa.

Ghi chú : Giá trên đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển đến kho của Viện và các chi phí khác liên quan.

PHỤ LỤC 2: BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số 77/TM-YHB ngày 25 tháng 11 năm 2026 của Viện Y học biển)

TÊN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Viện Y học biển

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Y học biển, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các sản phẩm như sau:

1. Báo giá cho các sản phẩm và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục hàng hoá	Tên thương mại của sản phẩm báo giá	Ký mã hiệu sản phẩm	Thông số kỹ thuật chi tiết	Phân loại TTBYT	Số lưu hành	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Sản phẩm A													
2	Sản phẩm B													
n	…													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hoá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ≥ 90 ngày kể từ ngày ký.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

….., ngày…. tháng….năm….

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))